

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HSST
Ngày 02 – 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Ông Trần Văn Tư
- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:
Họ và tên: Đào Minh T; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: T.
Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987 tại tỉnh Gia Lai.
Nơi thường trú: Tổ A, phường P, tỉnh Gia Lai
Nơi ở hiện tại: Tổ 5, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Số CCCD/Hộ chiếu: 064087007140. Cấp ngày 20 tháng 3 năm 2022. Nơi cấp: Bộ C1.
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Con ông: Đào Minh T1, sinh năm: 1956 và bà bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1965.
Có vợ: Trần Thị Mỹ P; sinh năm: 1988 và có 01 con sinh năm 2009.
Nhân thân:
- Năm 2020 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Bản án hình sự số 53/2021/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án thành phố P, tuyên phạt 15 tháng tù giam. Thi hành án tại Trại giam Gia Trung ngày 22/02/2022 chấp hành xong hình phạt.
- Ngày 21/9/2022 có hành vi tàng trữ trái phép 0,0823 gam ethamphetamine. Tại Bản án hình sự số 27/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án thành phố P

tuyên phạt 12 tháng tù giam. Thi hành án tại Trại giam Đ1, ngày 21/9/2023 chấp hành xong hình phạt.

Tiền án: 01; Tiền sự: Không.

Ngày 24/6/2025 bị khởi tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy, truy nã, đến ngày 04/8/2025 bị bắt, bị tạm giữ từ ngày 04/8/2025 đến ngày 07/8/2025 bị tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh G.

Có mặt.

2. Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: Trần T3 . Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1979 tại tỉnh Gia Lai.

Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn A phường A, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Số CCCD/Hộ chiếu: 064079014044. Cấp ngày 13 tháng 3 năm 2022. Nơi cấp: Bộ C1.

Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Trần B (Đã chết) và bà: Tô Thị C (Đã chết).

Có vợ: Nguyễn Thị Diễm H; sinh năm 1980. Bị cáo chưa có con.

Nhân thân:

- Năm 2018 bị xử phạt hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng) về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. (Đã nộp phạt).

- Năm 2020 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Bản án hình sự số 33/2021/HSST ngày 16/4/2021 của Tòa án thành phố P tuyên phạt 12 tháng tù giam. Thi hành án tại Trại giam G, ngày 13/11/2021 chấp hành xong hình phạt.

Tiền án, tiền sự: Không

Ngày 18/12/2024 bị bắt quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 19/12/2024 bị tạm giữ đến ngày 27/12/2024 bị khởi tố, tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S - Công an tỉnh G.

Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Hoàng Anh D, sinh năm 1982. Địa chỉ: D C, phường P, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt

4. Người làm chứng:

- Anh Đào Q, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ A H, phường P, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Nhà T N, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 10 phút ngày 18/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần T3 đang có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy tại thôn A, xã C, thành phố P (nay là

phường A), tỉnh Gia Lai. Tang vật thu giữ gồm 07 đoạn ống nhựa bên trong chứa chất rắn; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 02 điện thoại di động.

Tại Kết luận giám định số: 25/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K, Công an tỉnh G kết luận:

- *Chất rắn dạng tinh thể trong 07 đoạn ống nhựa, ghi thu của Trần T3 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetaime, có tổng khối lượng 2,4185 gam”.*

- *Chất bám bám dính trong bộ dụng cụ là Methamphetamine.*

Cơ quan điều tra đã xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Đào Minh T và Trần T3 quen biết với nhau do cùng bị khởi tố và tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh G về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi thi hành án xong T quen một người nam giới tên H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) bán ma túy nên đã sử dụng ứng dụng xã hội “Facebook” để liên hệ và mua ma túy của H1 về để sử dụng và bán kiếm lời.

Trong thời gian từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024, Đào Minh T đã ba lần bán trái phép chất ma túy cho Trần T3, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào tháng 10 năm 2024 và lần thứ hai vào tháng 11 năm 2024, T đều bán cho T3 mỗi lần một gói với số tiền là 1.000.000 đồng và đều thanh toán bằng tiền mặt.

- Lần thứ ba: đến ngày 09/12/2024, T điện thoại cho Trần T3 và nói chuẩn bị đi hái cà phê một thời gian nếu muốn mua ma túy thì tranh thủ mua nên T3 đồng ý và thỏa thuận mua ma túy của T với số tiền là 3.500.000 đồng. Hai bên thống nhất, tiền mua ma túy sẽ chuyển khoản 2.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.500.000 đồng sẽ đưa khi đến nhận ma túy. Đến chiều ngày 09/12/2024, Trần T3 đến phòng trọ của Đào Minh T tại số B đường L, phường P (nay là phường P), tỉnh Gia Lai rồi đưa T 1.500.000 đồng tiền mặt, nhận tiền xong T đưa cho T3 01 bì nilon dạng bì kit chứa bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine. Mua được ma túy, T3 mang về nhà tại thôn A, xã C (nay là phường A), tỉnh Gia Lai dùng ống hút bằng nhựa chia ra thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và đã sử dụng hết một số ống bên trong chứa ma túy, số ma túy còn lại Thái tàng trữ để sử dụng. Đến 19 giờ 10 phút ngày 18/12/2024 bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ 07 đoạn ống nhựa, bên trong có chứa 2,4185 gam M và 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy.

Ngoài bán ma túy cho Trần T3 thì Đào Minh T còn bán ma túy cho Hoàng Anh D nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào các ngày 13/02/2025, ngày 22/02/2025 và ngày 15/3/2025, Hoàng Anh D sử dụng điện thoại của mình với số điện thoại 0905366557 để liên hệ với Đào Minh T mua ma túy; D không nhớ số điện thoại của T. Sau khi thỏa thuận, D sử dụng tài khoản số 0741000159007 của Ngân hàng TMCP A (A1) chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng TMCP P2 (O) số 134421 cho T. Nhận được tiền Đào Minh T mang ma túy cất giấu trong khẩu trang vứt ở ngoài đường rồi chỉ chỗ cho Hoàng Anh D đến lấy. Cụ thể D đã 03 lần chuyển tiền cho T mua ma túy như sau: ngày 13/02/2025 chuyển 300.000 đồng, ngày 22/02/2025 chuyển 250.000 đồng và ngày 15/3/2025 chuyển 350.000 đồng.

* T, vật chứng vụ án gồm:

- 2,4185 gam Methamphetamine;
- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy
- 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Trần T3 gồm:
 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, kèm sim số (0921403327), Số IMEI: 35723609115055 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Phòng THADS khu vực 7 - Gia Lai không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong).
 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, kèm sim số (0979876279), Số IMEI: 354835099632052 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Phòng THADS khu vực 7 - Gia Lai không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Infinix màu đen, kèm sim mã số: 89840200011715857874 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Phòng THADS khu vực 7 - Gia Lai không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong).
- 03 (ba) thẻ ATM: T5; M1; OCB tên thẻ Đào Minh T.

Quá trình điều tra, Đào Minh T chỉ thừa nhận bán ma túy cho Trần T3 một lần vào ngày 09/12/2024 mà không thừa nhận việc bán ma túy nhiều lần cho Trần T3 và Hoàng Anh D.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần T3 khai nhận đã sử dụng điện thoại Iphone XS, sim số 0921403327 để liên hệ với Đào Minh T trong các lần mua ma túy và sử dụng iPhone 8 Plus để thực hiện giao dịch chuyển tiền ngày 09/12/2024 để mua ma túy từ bị cáo T. Đối với các tài liệu Huy chương kháng chiến hàng Nhì của bà Trần Thị X và Tổ quốc ghi công đối với Liệt sĩ Trần Ngọc P1, bị cáo T3 xác định những người này là anh chị ruột của bị cáo.

Các lời khai có tại hồ sơ, đối tượng Hoàng Anh D khai nhận sử dụng điện thoại của mình với số điện thoại 0905366557 để liên hệ với Đào Minh T mua ma túy nhưng không nhớ các số đã liên lạc với bị cáo T.

Các lời khai có tại hồ sơ, người làm chứng là Đào Quý T4 là em ruột của bị cáo Đào Minh T xác định liên lạc với T qua số điện thoại 0904313443 và số 0932458181 là số điện thoại của con Thái.

Người làm chứng là Nguyễn Thị Tú N là người sống chung với Đào Minh T tại 1 N, phường H, tỉnh G cho đến thời điểm T bị bắt xác định thường liên lạc với T qua số điện thoại 0904313443. Ngoài ra, trong thời gian chung sống, chị N đưa sim số 0387796500 cho T sử dụng. Đối với số điện thoại 0941080896, chị N là người trực tiếp sử dụng số điện thoại này trong thời gian khoảng tháng 02 và tháng 3/2025.

Cáo trạng số: 12/CT-VKSGL-P1 ngày 24/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố ra trước Toà án nhân dân Khu vực 7 tỉnh Gia Lai để xét xử các bị cáo:

- Đào Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.
- Trần T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự
- Ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tỉnh Gia Lai thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói trên tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố với quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

Mặc dù bị cáo T không thừa nhận bán ma túy nhiều lần, nhưng căn cứ vào lời khai chi tiết, nhất quán của bị cáo Trần T3 và người liên quan Hoàng Anh D; căn cứ vào lịch sử giao dịch ngân hàng khớp với thời gian các đối tượng liên lạc; căn cứ vào các số điện thoại mà người làm chứng (chị N, anh T4) xác nhận bị cáo T sử dụng, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS.

Đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đào Minh T mức án từ 09 năm đến 10 năm tù; hình phạt bổ sung: phạt tiền là 10.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần T3 từ 03 năm đến 04 năm tù; hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi chữ “A” (mẫu vật sau giám định là ma túy loại Methamphetamine) và 01 phong bì niêm phong ghi chữ “B” (bộ dụng cụ sử dụng ma túy có bám dính Methamphetamine).

Tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động iPhone XS kèm sim và 01 điện thoại di động iPhone 8 Plus kèm sim của bị cáo Trần T3; 01 điện thoại di động hiệu Infinix kèm sim của bị cáo Đào Minh T.

Tịch thu tiêu hủy đối với 03 (ba) thẻ ATM mang tên Đào Minh T (của các ngân hàng T6, M1 và O):

- Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Đào Minh T nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội là 4.400.000 đồng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận:

Bị cáo T3 không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo T cho rằng mình không phạm tội nhiều lần, chỉ thực hiện việc bán ma túy cho bị cáo T3 01 lần ngày 09/12/2024; 03 lần Hoàng Anh D chuyển tiền là do bị cáo đưa tiền mặt cho D để nhờ D chuyển khoản tiền cho T để nạp tiền chơi Game.

Bị cáo nói lời nói sau cùng:

- Bị cáo Trần T3: bị cáo biết hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội. Bị cáo rất hối hận vì đã không vượt qua được sự cám dỗ của ma túy dù đã từng đi tù về tội danh này. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình, sự thành khẩn của bị cáo để cho bị cáo mức án nhẹ nhất, sớm trở về làm lại cuộc đời và chăm sóc vợ.

- Bị cáo Đào Minh T: Bị cáo thừa nhận sai phạm trong việc bán ma túy cho T3 ngày 09/12/2024. Trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội nhiều lần là đúng. Trong đó, bị cáo xác định ngày 13/02/2025 đã bán ma túy cho Hoàng Anh D và thu lợi số tiền 300.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm về các

lần khác mà Viện kiểm sát truy tố là chưa thỏa đáng vì không có chứng cứ vật chất trực tiếp. Dù vậy, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét khách quan, công tâm để có một bản án đúng người, đúng tội, cho bị cáo cơ hội cải tạo để về với gia đình và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Anh D; những người làm chứng gồm anh Đào Quý T4 và chị Nguyễn Thị Tú N: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng những người này có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, các tình tiết liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông D cũng như nội dung xác nhận của người làm chứng đã được thể hiện rõ ràng, đầy đủ trong hồ sơ vụ án thông qua các biên bản lấy lời khai, bản tự khai và các chứng cứ khách quan khác. Việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc làm rõ bản chất vụ án và không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Đối với hành vi tàng trữ của bị cáo Trần T3 và lần bán ma túy ngày 09/12/2024:

Vào lúc 19 giờ 10 phút ngày 18/12/2024, tại thôn A, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã bắt quả tang Trần T3 đang tàng trữ 2,4185 gam ma túy loại Methamphetamine. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T3 thừa nhận số ma túy này được mua từ bị cáo Đào Minh T vào ngày 09/12/2024 với giá 3.500.000 đồng. Bị cáo Đào Minh T cũng đã thừa nhận hành vi bán ma túy cho T3 vào ngày này. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Trần T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và bị cáo Đào Minh T phạm

tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với lần giao dịch này.

[2.2] Đối với hành vi mua bán ma túy nhiều lần của bị cáo Đào Minh T:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T chỉ thừa nhận bán ma túy cho Trần T3 01 lần vào ngày 09/12/2024, không thừa nhận các lần bán khác cho T3 và Hoàng Anh D. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về mối quan hệ và sự liên lạc giữa bị cáo T và bị cáo T3: Kết quả trích xuất dữ liệu viễn thông từ số điện thoại 0904313443 (của T) và số 0921403327 (của T3) cho thấy tần suất liên lạc dày đặc trong tháng 11 và 12/2024 (trung bình từ 02 đến 04 lượt gọi mỗi ngày). Đặc biệt, các cuộc gọi phát sinh vào các ngày 02, 05, 08, 11/11/2024... phù hợp hoàn toàn với lời khai của bị cáo T3 về việc liên lạc để thỏa thuận mua bán ma túy trước đó. Kết hợp với việc Trần T3 có nhân thân là người nghiện và kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy, đủ cơ sở xác định giữa hai bị cáo đã nhiều lần trao đổi mua bán ma túy liên tục, không chỉ dừng lại ở lần bị bắt quả tang (ngày 09/12/2024).

- Về hành vi bán ma túy cho Hoàng Anh D: Bị cáo T cho rằng 03 lần nhận tiền chuyển khoản từ D (vào các ngày 13/02, 22/02 và 15/3/2025) là tiền nhờ D nộp hộ để chơi game. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai này là không có căn cứ bởi các chứng cứ sau:

Thứ nhất: Qua các buổi đối chất, Hoàng Anh D khẳng định 03 lần chuyển tiền trên (vào các ngày 13/02/2025 là 300.000 đồng, 22/02/2025 là 250.000 đồng và 15/3/2025 là 350.000 đồng, tổng cộng 900.000 đồng) chỉ nhằm mục đích duy nhất là mua ma túy và D đã nhận được ma túy để sử dụng hết. D khẳng định không nhận tiền mặt từ T và không có bất kỳ giao dịch dân sự hay vay mượn nào khác.

Thứ hai: Lịch sử liên lạc giữa các số điện thoại được xác định do bị cáo T quản lý, sử dụng với số điện thoại của Hoàng Anh D (0905366557) trùng khớp hoàn toàn với thời điểm phát sinh các giao dịch chuyển tiền mua ma túy. Cụ thể:

+ Ngày 13/02/2025, số điện thoại 0387796500 (số điện thoại mà chị Nguyễn Thị Tú N xác nhận đã đưa cho T sử dụng) có liên lạc với D, phù hợp với thời điểm D chuyển 300.000 đồng vào tài khoản của T.

+ Ngày 15/3/2025, số điện thoại 0932458181 (số điện thoại mà anh Đ Quý Thân xác nhận là của con bị cáo T nhưng thực tế do T sử dụng liên lạc) có liên lạc với D, phù hợp với thời điểm D chuyển 350.000 đồng vào tài khoản của T.

+ Trên thực tế, Hoàng Anh D không biết và không liên hệ với chị Nguyễn Thị Tú N cũng như con bị cáo T. Do đó, có căn cứ khẳng định bị cáo T là người sử dụng các số điện thoại này để liên lạc với D.

Thứ ba: Chứng cứ về quyền sở hữu và sử dụng tài khoản ngân hàng của bị cáo T là khách quan và rõ ràng. Theo Văn bản số 44/2025/CV-OCB.CNPK của Ngân hàng TMCP P2 (O), xác định số điện thoại 0387796500 chính là số điện thoại được bị cáo Đào Minh T dùng để đăng ký dịch vụ Internet/SMS Banking khi mở tài khoản trực tuyến vào ngày 30/12/2024. Điều này chứng minh bị cáo T là người trực tiếp quản lý số điện thoại này và thực hiện các giao dịch nhận tiền mua bán ma túy.

Thứ tư: Bị cáo T khai nhờ D nộp tiền chơi game nhưng lại không chứng minh được loại game mình chơi, không nhớ tên tài khoản, không nhớ mật khẩu đăng nhập. Đây là lời khai không có cơ sở, mang tính chất đối phó nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự.

Thứ năm: Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận cáo trạng tuy tố bị cáo phạm tội nhiều lần là đúng. Trong đó, bị cáo xác định ngày 13/02/2025 đã bán ma túy cho Hoàng Anh D và thu lợi số tiền 300.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản. Từ những kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định bị cáo Đào Minh T đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trần T3 vào ngày 09/12/2024 và bán cho Hoàng Anh D vào các ngày 13/02/2025, 22/02/2025 và 15/3/2025.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở bác bỏ lời khai quanh co chối tội của bị cáo Đào Minh T. Hành vi của bị cáo T diễn ra nhiều lần, với nhiều đối tượng khác nhau, đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[2.4] Đối với hành vi mua bán ma túy vào tháng 10 và tháng 11 năm 2024:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần T3 khai nhận đã 02 lần mua ma túy của bị cáo Đào Minh T vào các tháng 10 và 11 năm 2024, mỗi lần với số tiền 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời khai này không xác định được cụ thể thời gian, địa điểm giao nhận ma túy. Kết quả trích xuất dữ liệu viễn thông thể hiện giữa số điện thoại 0904313443 của Đào Minh T và số 0921403327 của Trần T3 có phát sinh liên lạc, nhưng không làm rõ được nội dung trao đổi, cũng như không xác định được các cuộc liên lạc này liên quan trực tiếp đến việc mua bán ma túy.

Mặt khác, hồ sơ vụ án không thu thập được vật chứng, tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc giao nhận ma túy giữa hai bị cáo trong các thời điểm nêu trên; không có người làm chứng trực tiếp chứng kiến các giao dịch. Như vậy, lời khai của bị cáo Trần T3 là chứng cứ duy nhất buộc tội nhưng chưa được kiểm chứng, đối chiếu bằng các chứng cứ khác theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự về nguyên tắc suy đoán vô tội, khi không đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội theo trình tự, thủ tục luật định thì phải kết luận theo hướng có lợi cho bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chưa đủ căn cứ vững chắc để kết luận bị cáo Đào Minh T đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào tháng 10 và tháng 11 năm 2024;

[3] Về quyết định hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Đào Minh T:

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội phạm liên quan đến ma túy, cụ thể:

Tại Bản án hình sự số 53/2021/HSST bị cáo bị tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/02/2022 nhưng chưa được xóa án tích.

Ngày 21/9/2022, bị cáo tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép 0,0823 gam Methamphetamine. Tại Bản án hình sự số 27/2023/HSST, do bị cáo đã có tiền án tại Bản án số 53/2021/HSST nên hành vi tàng trữ dưới mức định lượng (0,1g) vẫn cấu thành tội phạm và bị cáo bị tuyên phạt 12 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/9/2023.

Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội mới (tháng 12/2024), cả hai bản án nêu trên của bị cáo đều chưa được xóa án tích nên bị cáo vẫn còn 02 tiền án. Việc bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý đã thỏa mãn điều kiện về “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Trần T3: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Trần T3:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có truyền thống gia đình cách mạng: Có anh trai là Liệt sĩ Trần Ngọc P1 (theo Bằng Tổ quốc ghi công) và chị gái là bà Trần Thị X được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Qua đối chiếu lý lịch bị can và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định những người này là anh, chị ruột của bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các tình tiết này để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét thấy đây là những tình tiết có ý nghĩa nhân văn, thể hiện sự ghi nhận của Nhà nước đối với những gia đình có công với cách mạng, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng và chăm sóc gia đình.

- Đối với bị cáo Đào Minh T:

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo chỉ thừa nhận hành vi bán ma túy cho Trần T3 vào ngày 09/12/2024 và tại lời nói sau cùng, bị cáo đã thay đổi nhận thức, tự nguyện thừa nhận hành vi phạm tội nhiều lần của mình, nhưng chỉ thừa nhận thêm 01 lần bán ma túy cho Hoàng Anh D vào ngày 13/02/2025 và thu lợi số tiền 300.000 đồng; còn đối với các lần bán khác cho Trần T3 và Hoàng Anh D, bị cáo vẫn có thái độ quanh co, không thừa nhận dù các chứng cứ khách quan đã rõ ràng.

Tuy nhiên, Việc bị cáo đã nhận thức được sai phạm và thừa nhận thêm một phần hành vi phạm tội nhiều lần thể hiện sự ăn năn, hối lỗi nhất định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” ở mức độ phù hợp đối với những hành vi bị cáo đã thừa nhận để cân nhắc khi lượng hình, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về mức hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Đối với bị cáo Đào Minh T: Bị cáo thực hiện hành vi bán ma túy nhiều lần, có nhân thân xấu (có tiền án về tội tàng trữ ma túy). Tuy nhiên, xét thấy tại phần lời nói sau cùng, bị cáo đã thay đổi thái độ, tự nguyện thừa nhận thêm hành vi phạm tội nhiều lần, thể hiện sự ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhưng cũng cần ghi nhận sự chuyển biến trong nhận thức của bị cáo để áp dụng mức hình phạt ở mức thấp của khung hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với bị cáo Trần T3: Mặc dù bị cáo có nhân thân không tốt liên quan đến ma túy, chứng tỏ là người khó giáo dục, cải tạo. Tuy nhiên, xét thái độ thành khẩn xuyên suốt từ quá trình điều tra đến phiên tòa, kết hợp với việc bị cáo có truyền thống gia đình cách mạng (anh trai là Liệt sĩ, chị gái có Huy chương kháng chiến) nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng mức hình phạt ở mức thấp của khung hình phạt đề nghị để bị cáo thấy được sự nhân văn của pháp luật mà tích cực cải tạo.

[3.4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu về điều kiện kinh tế có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bị cáo Đào Minh T: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị.

- Đối với bị cáo Trần T3: Bị cáo làm nông, gia đình thuộc diện khó khăn và hiện là lao động chính trong nhà.

Xét thấy việc áp dụng hình phạt chính là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đã đủ sức răn đe, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu tài sản đối với cả hai bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

[4.1] Đối với số ma túy và dụng cụ sử dụng:

01 phong bì niêm phong ghi chữ “A” (mẫu vật sau giám định là ma túy loại Methamphetamine) và 01 phong bì niêm phong ghi chữ “B” (bộ dụng cụ sử dụng ma túy có bám dính Methamphetamine). Đây là những vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[4.2] Đối với các thiết bị điện tử:

Đối với 01 điện thoại di động iPhone XS kèm sim và 01 điện thoại di động iPhone 8 Plus kèm sim: Tại phiên tòa, bị cáo Trần T3 thừa nhận đã trực tiếp sử dụng các thiết bị này để liên lạc và chuyển tiền mua ma túy với bị cáo T.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Infinix kèm sim: Kết quả điều tra và tranh tụng xác định đây là công cụ bị cáo Đào Minh T sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi bán ma túy.

Xét thấy, các thiết bị nêu trên đều là công cụ, phương tiện trực tiếp dùng vào việc phạm tội. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ số điện thoại này.

[4.3] Đối với chiếc điện thoại di động mà ông Hoàng Anh D khai đã sử dụng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với bị cáo Đào Minh T:

Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra không thu giữ được vật chứng này nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xem xét và quyết định xử lý.

[4.4] Đối với 03 (ba) thẻ ATM mang tên Đào Minh T (của các ngân hàng T6, M1 và O):

Mặc dù đây là tài sản cá nhân dùng để quản lý tài khoản giao dịch dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đào Minh T xác nhận không có nhu cầu nhận lại và tự nguyện từ bỏ quyền sở hữu đối với các thẻ này. Xét thấy các vật chứng này hiện không còn giá trị sử dụng và chủ sở hữu đã từ bỏ quyền tài sản, nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.5] Về biện pháp tư pháp (Truy thu số tiền thu lợi bất chính):

Xét khoản tiền mà bị cáo Đào Minh T có được từ hành vi bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với giao dịch với Trần T3: Ngày 09/12/2024, bị cáo T đã bán ma túy cho Trần T3 và thu lợi số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với giao dịch với Hoàng Anh D: Căn cứ vào các tài liệu trích xuất dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và đặc biệt là lời tự thú của bị cáo T tại phần lời nói sau cùng, xác định bị cáo đã có 03 lần bán ma túy cho D, thu lợi tổng cộng 900.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Đào Minh T hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội là 4.400.000 đồng.

Xét thấy, đây là khoản tiền phát sinh trực tiếp từ hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo không được quyền sở hữu. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần thiết phải tuyên truy thu toàn bộ số tiền này từ bị cáo Đào Minh T để nộp vào ngân sách Nhà nước nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và triệt để xử lý các lợi ích do phạm tội mà có.

[5] Về án phí:

Các bị cáo Đào Minh T và Trần T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về những vấn đề khác:

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục xác minh, làm rõ đối tượng tên H1 (người bán ma túy cho T) để xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đào Minh T 09 (chín) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 04/8/2025)

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần T3 03 (ba) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 19/12/2024)

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS**, màu vàng, kèm sim số (số IMEI: 35723609115055); là điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

+ **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus**, màu đen, kèm sim số (số IMEI: 354835099632052); là điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

+ **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Infinix**, màu đen, kèm sim mã số: 89840200011715857874; là điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong ghi chữ “A” (mẫu vật sau giám định là ma túy loại Methamphetamine).

+ 01 phong bì niêm phong ghi chữ “B” (bộ dụng cụ sử dụng ma túy).

+ 03 thẻ ATM của ngân hàng: T6, M1 và OCB tên thẻ Đào Minh T.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2025, giữa: Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Gia Lai)

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước: Buộc bị cáo Đào Minh T phải nộp lại số tiền 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đào Minh T và bị cáo Trần T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án. (13)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên